TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2018/DS-ST
Ngày 27-6-2018.
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Phương;

2. Ông Lý Văn Vịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Huyến – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2017/TLST-DS ngày 27/12/2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST – DS ngày 29 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đậu Thị G - có mặt.

Địa chỉ: Bon Jăng Plây3, xã X, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Hà Văn S và bà Nguyễn Thị N - đều có mặt.

Địa chỉ: Thôn 9, xã X, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hoàng C, đã ủy quyền cho bà Đậu Thị G theo văn bản ủy quyền ngày 05/4/2018-có mặt.

Địa chỉ: Bon Jăng Plây3, xã X, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

Người làm chứng: chị Nguyễn Thị H-có mặt.

Địa chỉ: Thôn 9, xã X, huyện S, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 12 năm 2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đậu Thị G trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên ông Hà Văn S, bà Nguyễn Thị N có mua phân bón của đại lý G C do bà Đậu Thị G làm chủ nhiều lần vào các năm 2013 và 2014. Đến năm 2017 hai bên có gặp nhau để xác nhận nợ 110.700.000đ *(Một trăm mười triệu bảy trăm nghìn đồng)* và hẹn 30/11/2017 sẽ trả toàn bộ số tiền trên, khi xác nhận nợ xong hai bên có lập giấy nợ tiền. Tuy nhiên đến hẹn ông S và bà N không trả tiền cho bà G. Do đó, bà G yêu cầu Tòa án buộc ông S, bà N trả cho bà G số tiền 110.700.000đ mua phân bón còn thiếu.Toàn bộ số tiền ông S, bà N nợ bà là tiền gốc và khi cho nợ tiền mua phân bón bà G không tính lãi suất. Đây là tài sản chung của bà G và chồng là ông Nguyễn Hoàng C.

Tại các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hà Văn S và bà Nguyễn Thị N trình bày: Ông S và bà N thừa nhận có mua bán phân bón với bà G nhiều lần. Tuy nhiên ông S và bà N chỉ mua bán với đại lý G C do bà G làm chủ vào năm 2013 và nợ bà G số tiền 86.260.0000đ *(Tám mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng)*, tuy nhiên ông bà đã trả tổng cộng cả gốc và lãi suất là 92.000.00đ vào các năm 2014,2015,2016. Những lần trả các bên không lập giấy tờ gì. Hiện ông S, bà N không còn nợ nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G. Không có sự việc ông S, bà N xác nhận nợ số tiền 110.700.000đ vào ngày 20/01/2017 như bà G trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Hà Văn S và bà Nguyễn Thị N cho rằng ông bà chỉ nợ bà G tiền phân năm 2013 là 67.000.000đ, ông bà đã trả nợ bằng việc cấn trừ vào số cà phê mà bà G vào lấy của ông bà 02 đợt, đợt 1 vào tháng 11/2015, ông Nguyễn Hoàng C có mang xe càng vào chở 05 tạ cà phê nhân xô; đợt 2 vào tháng 11/2016 là con gái ông bà C, G mang xe càng vào chở 1,3 tấn cà phê nhân xô. Các lần trả nợ ông bà S, N không được lấy giấy biên nhận.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Hoàng C: đã ủy quyền cho bà Đậu Thị G tham gia tố tụng và toàn quyền giải quyết mọi vấn đề phát trong việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, người làm chứng chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị là hàng xóm với nhà ông S, bà N. Chị có chứng kiến sự việc gia đình bà G vào chở cà phê bên nhà của ông S, bà N. Tuy nhiên, số lượng cụ thể bao nhiêu và mục đích của việc chở cà phê để mua bán hay trừ nợ thì chị không rõ.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia tòa xác định trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã chấp hành đúng

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); việc chấp hành của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX vào nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 110.700.000đ *(Một trăm mười triệu bảy trăm nghìn đồng).*

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: 01 giấy nợ tiền ngày 20/01/2017 do nguyên đơn cung cấp.

Bị đơn ông S, bà N không thừa nhận giấy nợ tiền và cho rằng chữ ký trong giấy nợ tiền không phải là chữ ký của ông bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Đậu Thị G khởi kiện yêu cầu ông Hà Văn S và bà Nguyễn Thị N trả số tiền phân bón còn thiếu là 110.700.000đ. Do đó quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn 9, xã X, huyện S, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét yêu cầu của bà Đậu Thị G, HĐXX nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều thừa nhận có mua bán phân bón với nhau và ông S, bà N có mua nợ phân bón của bà G.

Bà Đậu Thị G cho rằng ông Hà Văn S và bà Nguyễn Thị N còn nợ bà số tiền 110.700.000 đồng và cung cấp cho Tòa án 01 giấy nợ tiền có chữ ký của người nợ tiền ông S, bà N vào ngày 20/01/2017 với nội dung ông S, bà N có nợ bà G số tiền 110.700.000 đồng và hẹn trả vào ngày 30/11/2017.

Ông S, bà N cho rằng ông bà đã trả hết số tiền nợ phân cho bà G và không đồng ý với giấy nợ tiền do bà G cung cấp. Ông bà không thừa nhận chữ ký trong giấy nợ tiền là chữ ký của mình. Tuy nhiên, lời khai của bị đơn có sự mâu thuẫn về khoản tiền nợ cũng như các năm trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông S bà N cho rằng chỉ nợ số tiền 86.260.0000đ và ông bà đã trả tổng cộng cả gốc và lãi suất là 92.000.00đ vào các năm 2014,2015,2016. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, ông S, bà N lại cho rằng ông bà chỉ nợ bà G 67.000.000đ và ông bà đã cấn nợ bằng việc trả cà phê vào năm 2015, năm 2016. Nguyên đơn bà Đậu Thị G cũng thừa nhận việc ông S, bà N trả nợ cho bà thông qua việc cấn trừ cà phê. Tuy nhiên, bà G cho rằng ông bà S

N nợ bà rất nhiều và sau khi cấn trừ số cà phê mà bà đã lấy thì năm 2017, ông S, bà N mới chốt số nợ còn lại là 110.700.000đ. Bà G đề nghị Tòa án tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của người nợ tiền trong giấy nợ tiền do bà G có phải là do ông S, bà N ký, viết ra không. Theo kết luận giám định của phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh Đắk Nông thì toàn bộ chữ ký của người nợ trong giấy nợ tiền do bà G cung cấp và chữ ký mẫu của ông S, bà N do Tòa án cung cấp là do ông S, bà N ký, viết ra.

HĐXX xét thấy việc ông S, bà N nợ bà G số tiền mua phân bón 110.700.000 đồng là có thật, thể hiện bằng việc giữa các bên có xác nhận nợ vào ngày 20/01/2017. Tuy ông S, bà N không thừa nhận việc xác nhận nợ trên nhưng chữ ký thể hiện trong giấy nợ tiền ngày 20/01/2017 là chữ ký của ông S, bà N. Tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Theo đó, ông S, bà N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho phần trình bày của mình nên không có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Đậu Thị G là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận, buộc ông Hà Văn S, bà Nguyễn Thị N phải trả cho bà Đậu Thị G, ông Nguyễn Hoàng C số tiền 110.700.000đ *(Một trăm mười triệu bảy trăm nghìn đồng).*

[3] Về chi phí giám định chữ ký: Chi phí giám định chữ ký là 3.600.000đ *(Ba triệu sáu trăm nghìn đồng)*, do yêu cầu khởi kiện của bà Đậu Thị G được chấp nhận nên ông S, bà N phải chịu toàn bộ số tiền trên. Do chi phí giám định chữ ký bà G đã đóng tạm ứng số tiền 3.600.000 đồng cho Tòa án nên ông S, bà N phải trả cho bà G số tiền 3.600.000đ *(Ba triệu sáu trăm nghìn đồng).*

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Đậu Thị G được chấp nhận nên ông Hà Văn S và bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430; Điều 440 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đậu Thị G.

Buộc ông Hà Văn S và bà Nguyễn Thị N phải trả cho bà Đậu Thị G và ông Nguyễn Hoàng C số tiền nợ là 110.700.000 đồng *(Một trăm mười triệu bảy trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

2. Về chi phí giám định chữ ký: Ông Hà Văn S và bà Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ chi phí trưng cầu giám định chữ ký là 3.600.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*). Do bà G đã nộp chi phí tạm ứng giám định chữ ký cho Tòa án nên ông Hà Văn S và bà Nguyễn Thị N phải trả cho bà Đậu Thị G chi phí trưng cầu giám định chữ ký là 3.600.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*).

3. Về án phí: Buộc ông Hà Văn S và bà Nguyễn Thị N phải nộp 5.535.000 đồng *(Năm triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí DSST.

Hoàn trả cho bà Đậu Thị G 2.767.500đ *(Hai triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001844 ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án về phần liên quan đến quyền và lợi ích của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đăk Nông;*
- *VKSND huyện Đăk Song;*
- *Chi cục THADS huyện Đắk Song;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải Âu